

Vietnam Daily Review

Nhịp điều chỉnh tiếp diễn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/7/2022	•		
Tuần 18/7-22/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau 1 đà hồi phục ngắn, VN-Index hôm nay điều chỉnh nhẹ, gần như không thay đổi so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/17 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bảo hiểm có mức giảm mạnh nhất; ở chiều ngược lại, ngành Tài nguyên cơ bản có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, thị trường dự kiến có thể sẽ kiểm tra ngưỡng 1200.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-2.92** điểm, đóng cửa **1179.25** điểm. HNX-Index **-0.36** điểm, đóng cửa **284.4** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: HPG (+1.53), VPB (+0.22), VSH(+0.17), TCB (+0.13), MSB (+0.10).
- Kéo chỉ số giảm: GAS (-0.62), MSN (-0.46), BID (-0.44), VNM (-0.41), MWG (-0.40).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,379** tỷ đồng, tăng **14.72%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,116 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 11.54 điểm. Thị trường có **215** mã tăng, 68 mã tham chiếu và **233** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-496.86** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FUEVFXND (**-260.48** tỷ), UIC (**-66.29** tỷ), DXG (**-40.77** tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-8.98** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX 1179.25

Giá trị: 11378.83 tỷ -2.92 (-0.25%)

Khối ngoại (ròng): -496.86 tỷ

HNX-INDEX 284.40

Giá trị: 1265.66 tỷ -0.35 (-0.12%)

Khối ngoại (ròng): -8.98 tỷ

UPCOM-INDEX 87.32

Giá trị: 0.59 tỷ 0.13 (0.15%)

Khối ngoại (ròng): -29.05 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	95.3	-0.51%
Giá vàng	1,705	-0.31%
Tỷ giá USD/VND	23,400	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	23,491	0.72%
Tỷ giá JPY/VND	16,854	0.29%
LS liên NH 1 tháng	2.2%	-0.07%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	66.9	FUEVFXND	-260.5
CTG	32.8	UIC	-66.3
VNM	24.6	DXG	-40.8
VND	18.4	SSI	-36.8
VCB	13.1	FRT	-34.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 15/07

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	USD/barrel	96.30	0.48%	-2.26%	-17.17%	31.68%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/barrel	99.89	0.40%	-0.79%	-15.19%	33.61%	PVT	GAS, BSR
Xăng	UScent/gallon	3.23	-0.95%	-0.09%	-15.83%	40.99%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/ounce	1735.22	0.55%	-0.18%	-4.03%	-5.03%		PNJ
Bạc	USD/ounce	19.20	1.60%	0.07%	-8.92%	-26.83%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1588.25	-0.28%	0.51%	-6.49%	9.31%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	UScent/bushel	801.75	0.34%	1.20%	-23.66%	22.54%	AFX	
Sữa	USD /cwt	22.72	0.26%	1.47%	-6.54%	35.32%	KDC	VNM, GTN
Cao su*	JPY/kg	253.90	-1.05%	0.36%	0.00%	21.83%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	US cent/lb	654.25	0.04%	-1.84%	-1.87%	50.58%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	US cent/lb	16.12	-0.56%	1.70%	-2.66%	22.64%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD /ton	209.80	0.26%	-5.71%	-7.56%	37.21%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép*	USD/ton	3.33	0.88%	-2.71%	-19.99%	-22.25%	PC1, CTD	HPG
Thép HRC*	USD/ton	3930.00	-0.25%	-6.87%	-15.67%	-20.61%		
Nhôm	USD/ton	2363.00	-0.08%	-1.93%	-8.05%	-5.87%	CAV, SAM	
Quặng sắt*	USD/ton	107.50	-4.44%	-6.11%	-21.82%	-51.47%	HPG	
Than đá	USD/ton	432.00	1.41%	8.08%	12.79%	198.96%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0.05% xuống 96.4 USD/thùng vào sáng ngày 15/7. Trong khi giá dầu thô Brent giao tháng 9 tăng 0.14% lên 99.71 USD/thùng.
- Giá dầu thô giảm hơn 4 USD vào đầu phiên trong phiên 14/7 nhưng gần như đã phục hồi toàn bộ vào cuối phiên, khi các NĐT tập trung vào triển vọng về một tăng lãi suất lớn vào cuối tháng này của Mỹ - hành động có thể kiểm soát lạm phát nhưng ảnh hưởng tới nhu cầu dầu.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 15/7, giá vàng giao ngay tăng 0.04% lên 1,711 USD/ounce, theo kitco. Giá giao tháng 8 cũng tăng 0.12% lên 1,707.9 USD.
- Giá vàng giảm hơn 2% trong phiên giao dịch ngày 14/7 xuống gần đáy một năm, vì đồng USD tiếp đà tăng mạnh trong khi triển vọng về một đợt tăng lãi suất mạnh của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ngày càng lớn..

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 7/2022 ghi nhận mức 259.3 yen/kg, tăng 0.31% (tương đương 0.8 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2022 được điều chỉnh xuống mức 11,800 nhân dân tệ/tấn, giảm 1.05% (tương đương 125 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 9/2022 được ghi nhận tại mức 1,930 USD/tấn sau khi giảm 2.57% (tương đương 51 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 9/2022 tại New York đạt mức 195.30 US cent/pound, giảm 5.81% (tương đương 12.05 US cent).

Thị trường chứng khoán thế giới

	15/7	% 15/7	14/7	% 14/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1179.25	-0.25%	1182.17	0.70%	0.68%	-2.86%
S&P 500			3790.38	-0.30%	-2.88%	-2.83%
HĐTL S&P500	3801.75	0.22%	3793.25	-0.30%	-2.55%	1.29%
Shang-hai	3228.06	-1.64%	3281.74	-0.08%	-3.81%	-2.34%
Euro Stoxx	3434.81	1.12%	3396.61	-1.66%	-2.05%	-2.76%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
14/7/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	23.15	1	-0.22%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

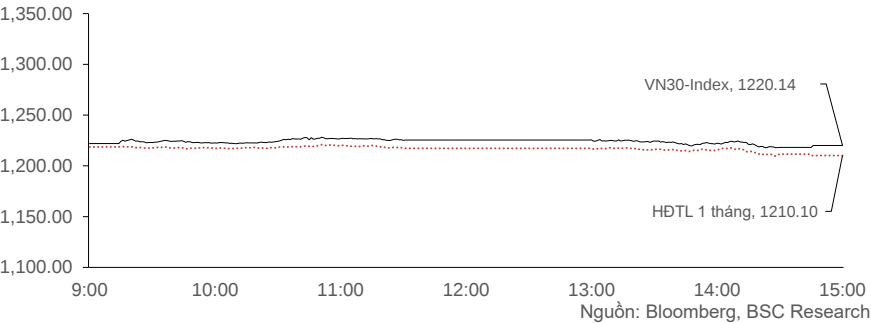
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	SL	28	-7.14%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	1	3.94%	-3.01%	1.91%	1
Cổ phiếu đã chốt	249	221	7.10%	-7.54%	4.21%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1210.10	-0.46%	-10.04	-9.0%	220,851	7/21/2022	6
VN30F2208	1210.90	-0.22%	-9.24	-8.7%	1,437	8/18/2022	34
VN30F2209	1211.90	0.35%	-8.24	341.2%	75	9/15/2022	62
VN30F2212	1210.20	-0.13%	-9.94	11.5%	29	12/15/2022	153

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 1.8 điểm xuống 1220.14 điểm, biên độ dao động 12.97 điểm. Các cổ phiếu như MSN, VNM, MWG, VJC và STB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. VN30 hôm nay tiếp tục vận động và tích lũy trong biên độ nhỏ tuy nhiên thanh khoản vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật và mẫu hình nền đang ở trạng thái trung lập, chưa có xác nhận xu hướng rõ ràng. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HDTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, HĐ VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30VF2212 tăng so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2205	12/27/2022	165	16:1	1,100	26.29%	1,100	720	10.77%	173	4.16	121,088	81,888	73,600
CMBB2206	10/3/2022	80	10:1	194,600	36.08%	1,000	560	1.82%	393	1.43	101,222	22,222	25,450
CPDR2204	1/3/2023	172	16:1	59,100	31.73%	1,000	590	1.72%	190	3.11	77,499	57,979	52,800
CMBB2207	1/3/2023	172	10:1	312,600	36.08%	1,000	640	1.59%	387	1.65	32,656	23,456	25,450
CSTB2214	1/9/2023	178	2:1	465,200	47.08%	1,630	2,190	0.00%	1,705	1.28	23,840	23,000	23,000
CVPB2204	11/15/2022	123	16:1	17,500	37.72%	1,000	400	0.00%	96	4.18	30,888	30,888	28,250
CVHM2209	12/27/2022	165	15.5:1	2,600	26.61%	1,000	440	0.00%	99	4.43	74,319	69,979	60,000
CNVL2206	1/3/2023	172	16:1	7,400	26.29%	1,000	660	0.00%	147	4.50	86,559	83,999	73,600
CVNM2205	10/20/2022	97	16:1	400	26.64%	1,000	570	-1.72%	105	5.45	127,839	79,999	71,600
CSTB2211	12/27/2022	165	8:1	1,242,800	47.08%	1,000	550	-1.79%	391	1.41	31,173	23,333	23,000
CVJC2203	12/27/2022	165	20:1	5,200	28.02%	1,400	990	-1.98%	437	2.27	145,731	131,131	124,700
CMSN2205	12/27/2022	165	20:1	37,600	43.16%	1,200	740	-2.63%	415	1.78	135,179	113,979	101,200
CSTB2213	1/3/2023	172	8:1	406,000	47.08%	1,000	550	-5.17%	341	1.61	35,324	24,444	23,000
CVNM2203	8/15/2022	31	20:1	84,800	26.64%	1,000	150	-6.25%	11	14.14	107,511	81,111	124,700
CPNJ2203	10/3/2022	80	24.8:1	48,200	41.82%	1,300	820	-7.87%	699	1.17	126,542	109,999	113,500
CVNM2204	10/7/2022	84	10:1	638,500	26.64%	1,500	740	-8.64%	381	1.94	81,600	73,000	71,600
CVRE2209	12/27/2022	165	8:1	564,600	39.61%	1,000	370	-9.76%	166	2.22	30,888	30,888	26,200
CPNJ2201	9/20/2022	67	7.91:1	89,800	41.82%	2,300	2,760	-9.80%	2,898	0.95	97,554	95,500	113,500
CPNJ2202	10/3/2022	80	24.8:1	112,700	41.82%	1,200	790	-10.23%	786	1.01	130,482	99,999	113,500
CNVL2202	8/15/2022	31	16:1	10,100	26.29%	1,000	170	-10.53%	30	5.76	93,279	79,999	73,600
Tổng				4,300,800	35.23%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

- Trong phiên giao dịch ngày 15/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2211 và CHPG2208 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 50.00% và 33.33%. Giá trị giao dịch tăng 22.49%, CHPG2213 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.12% thị trường.
- CVHM2202, CPDR2203, CVPB2206 và CSTB2206 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2203, CSTB2213, CKDH2207 và CTCB2112 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CPNJ2202 và CMBB2206 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN			
CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	23.20	4.50	3.34
VPB	28.25	0.71	0.65
TCB	36.10	0.42	0.36
TPB	27.10	0.74	0.18
VRE	26.20	0.58	0.13
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MWG	61.5	-1.76	-1.18
MSN	101.2	-1.27	-0.77
VNM	71.6	-1.10	-0.70
FPT	82.2	-0.72	-0.59
VJC	124.7	-1.58	-0.57
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	61.5	-1.8%	0.7	3,914	8.3	3,515	17.5	4.0	48.8%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	113.5	-1.7%	0.7	1,196	3.4	5,443	20.9	3.4	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	56.5	-2.4%	1.3	1,824	2.9	2,529	22.3	1.9	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	44.0	-1.1%	0.7	448	0.0	3,630	12.1	1.3	58.5%	11.0%
VIC	Bất động sản	69.6	0.1%	0.5	11,541	4.8	(578) #N/A	N/A	2.5	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.2	0.6%	1.1	2,588	1.4	401	65.4	1.9	31.9%	3.0%
VHM	Bất động sản	60.0	-0.2%	0.8	11,359	6.0	8,786	6.8	2.0	23.3%	34.5%
DXG	Bất động sản	22.0	0.9%	1.5	580	10.2	1,503	14.6	1.4	30.0%	11.3%
SSI	Chứng khoán	21.1	-1.9%	1.7	1,367	15.4	2,841	7.4	1.5	22.1%	22.6%
VCI	Chứng khoán	38.0	-2.2%	1.0	553	6.2	4,884	7.8	1.8	18.7%	26.9%
HCM	Chứng khoán	24.2	-2.2%	1.6	481	7.4	2,619	9.2	1.5	43.0%	17.9%
FPT	Công nghệ	82.2	-0.7%	1.0	3,921	5.0	4,293	19.1	4.7	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	67.5	-1.6%	0.4	964	0.0	4,926	13.7	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	97.5	-1.3%	1.0	8,113	2.2	5,109	19.1	3.4	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	39.8	-0.7%	1.5	2,199	0.6	1,950	20.4	2.0	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.2	-2.1%	1.6	482	6.2	1,408	16.5	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	22.8	-1.3%	0.8	3,074	8.0	2,108	10.8	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.0	-0.2%	0.3	500	0.0	6,105	14.4	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	50.4	-0.2%	1.3	858	6.4	12,920	3.9	1.6	16.0%	50.2%
DCM	Hóa chất	29.8	-0.8%	1.2	686	5.5	5,643	5.3	1.8	9.4%	38.9%
VCB	Ngân hàng	72.3	-0.1%	0.8	14,877	1.9	4,855	14.9	2.9	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	35.8	-1.0%	1.2	7,874	2.2	2,266	15.8	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.0	0.0%	1.5	5,642	8.3	2,558	10.6	1.3	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.3	0.7%	1.2	5,460	10.7	3,874	7.3	1.4	17.6%	24.0%
MBB	Ngân hàng	25.5	-0.2%	1.3	4,181	9.0	3,623	7.0	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.0	-0.2%	1.1	3,524	2.8	3,081	7.8	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	56.0	0.0%	0.7	199	0.2	3,150	17.8	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	36.5	-1.4%	0.6	206	0.0	3,628	10.1	1.7	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.5	-1.5%	1.5	932	0.3	178	109.6	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	23.2	4.5%	1.1	5,865	47.4	5,726	4.1	1.4	15.7%	40.4%
HSG	Thép	18.2	1.1%	1.6	394	7.6	7,157	2.5	0.8	6.9%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	71.6	-1.1%	0.6	6,506	4.6	4,390	16.3	4.6	54.6%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	154.0	-0.6%	0.8	4,294	0.3	5,969	25.8	4.6	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	101.2	-1.3%	1.0	6,264	1.8	7,041	14.4	5.2	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	18.4	-0.8%	1.6	502	1.9	1,144	16.0	1.4	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	80.3	2.4%	0.8	7,600	0.2	363	221.3	4.6	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	124.7	-1.6%	1.1	2,936	1.9	361	345.0	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.4	-0.3%	1.7	1,579	0.8	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.0	-0.9%	1.0	642	2.0	2,256	21.7	2.2	45.7%	10.8%
PVT	Vận tải	19.0	-1.3%	1.4	267	1.4	2,088	9.1	1.1	13.2%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	72.8	0.4%	0.9	506	0.1	10,540	6.9	2.2	3.1%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.5	-0.4%	0.7	984	1.5	3,677	13.7	2.9	5.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	0.0%	1.1	265	0.5	783	20.4	1.2	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	59.0	-5.0%	1.3	189	3.7	(27) #N/A	N/A	0.5	52.5%	0.0%
CII	Xây dựng	19.5	1.8%	1.3	214	6.0	1,266	15.4	0.9	11.0%	6.1%
REE	Điện	77.9	0.5%	-1.4	1,204	3.6	5,994	13.0	2.0	49.1%	16.7%
PC1	Điện	35.9	2.0%	-0.4	367	2.1	3,238	11.1	1.7	4.8%	16.9%
POW	Điện	13.0	-0.8%	0.6	1,324	6.3	859	15.1	1.0	2.3%	6.9%
NT2	Điện	23.9	-1.0%	0.7	299	1.5	1,933	12.3	1.6	14.0%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	35.6	-1.1%	1.5	1,186	8.8	866	41.1	1.9	14.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	62.8	-1%	0.9	2,826	0.3	1,190	52.8	3.9	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	23.20	4.50	1.14	47.70MLN
VPB	28.25	0.71	0.23	8.73MLN
VSH	41.70	6.92	0.16	220200
TCB	36.10	0.42	0.13	4.09MLN
MSB	17.50	1.45	0.10	2.25MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.64	516900	1.11MLN
MSN	0.00	-0.47	413900	607060
BID	0.00	-0.45	1.39MLN	373600
VNM	0.00	-0.43	1.48MLN	192700
MWG	0.00	-0.41	3.08MLN	611640

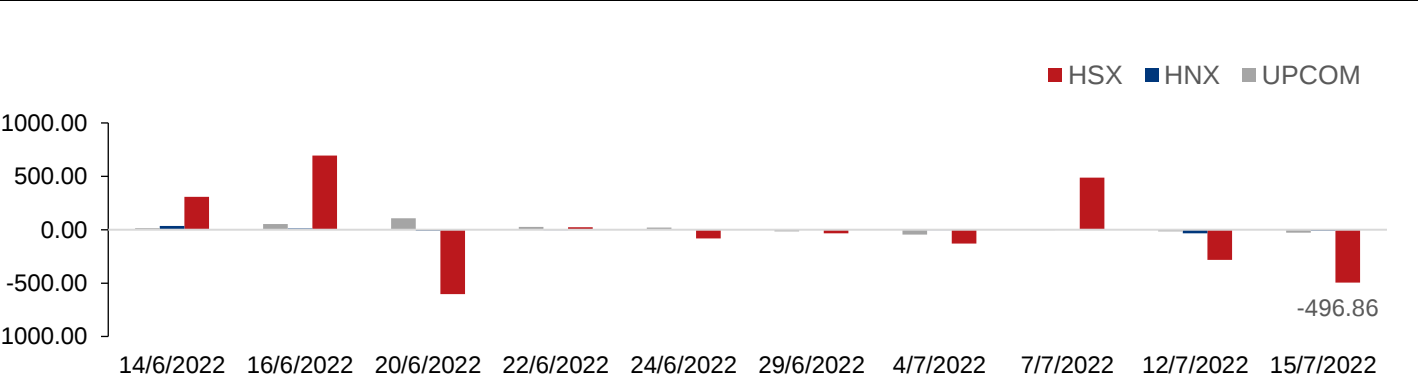
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CRE	25.25	6.99	0.09	133100.00
TNC	58.20	6.99	0.02	900
CTF	26.90	6.96	0.03	925000
PDN	111.20	6.92	0.03	100
VSH	41.70	6.92	0.16	220200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVC	95.00	-7.50	-0.07	100
LCM	2.85	-6.86	0.00	172300
DTT	13.70	-6.80	0.00	1200.00
CTD	59.00	-4.99	-0.06	1.41MLN
HRC	57.00	-4.84	-0.02	400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	63.0	3,434	18.3	5.1	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	113.5	5,443	20.9	3.4	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.8	1,701	8.1	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	23.9	1,933	12.3	1.6	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	69.5	10,029	6.9	1.3	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	73.3	4,874	15.0	4.8	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	35.9	3,238	11.1	1.7	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.0	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	82.2	4,293	19.1	4.7	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.8	2,466	11.3	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.9	9,632	2.1	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.0	859	15.1	1.0	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	113.5	5,443	20.9	3.4	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	61.5	3,515	17.5	4.0	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.0	2,088	9.1	1.1	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	95.8	8,710	11.0	4.9	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	23.2	5,726	4.1	1.4	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	35.6	866	41.1	1.9	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.0	5,084	4.5	1.5	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	22.0	1,503	14.6	1.4	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	52.5	4,775	11.0	4.2	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	45.5	2,136	21.3	2.3	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	26.8	2,701	9.9	1.8	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	80.5	8,331	9.7	2.3	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.7	1,941	14.8	1.3	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	44.0	3,630	12.1	1.3	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.2	1,408	16.5	0.9	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	97.5	5,109	19.1	3.4	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.4	3,141	7.1	1.5	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	59.0	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.8	1,701	8.1	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.3	1,350	7.6	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.3	1,350	7.6	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	11.1	2,433	4.6	0.9	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	113.5	5,443	20.9	3.4	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	113.5	5,443	20.9	3.4	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	61.5	3,515	17.5	4.0	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	49.2	2,762	17.8	3.5	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	38.2	1,900	20.1	1.7	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	22.8	2,108	10.8	1.9	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.3	1,034	15.8	1.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	80.5	8,331	9.7	2.3	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	41.7	2,916	14.3	2.2	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.7	991	11.8	0.8	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	26.9	1,956	13.8	1.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	37.2	3328.9	11.2	1.7	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.9	1,933	12.3	1.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639